

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **1982**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **29** tháng **7** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP, ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP, ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT, ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 55/TTr-STTTT, ngày 15/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung cơ bản như sau:

1. Mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Trị cơ bản chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trên phạm vi toàn tỉnh theo các mục tiêu tại Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu

- Phát triển các nền tảng chuyển đổi số;
- Phát triển chính quyền số;
- Phát triển kinh tế số;
- Phát triển xã hội số.

3. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và một số nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Tổ chức triển khai Đề án

Đề án đưa ra khung kế hoạch tổng thể và xác định một số chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản của chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Trên cơ sở Đề án được phê duyệt; các cấp, các ngành xây dựng các dự án, kế hoạch thực hiện và trình các cấp có thẩm quyền quyết định kinh phí, cách thức đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách và một số quy định khác có liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP;
- Lưu: VT, KGVXD. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND, ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh)

PHẦN I SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Những năm qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực; cùng với việc phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng nhân lực, việc ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển đáng kể; qua đó đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh. Theo Báo cáo Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam (Viet Nam ICT index) năm 2020; Quảng Trị hiện đang xếp vị trí 27/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về chỉ số Viet Nam ICT index, tăng 17 bậc so với năm 2019 và tăng 20 bậc so với năm 2018; trong đó, chỉ số Hạ tầng kỹ thuật xếp vị trí 32/63 (tăng 15 bậc so với năm 2019); chỉ số Hạ tầng nhân lực xếp vị trí 16/63 (tăng 12 bậc so với năm 2019); chỉ số Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước xếp vị trí 38/63 (tăng 02 bậc so với năm 2019) và chỉ số Dịch vụ công trực tuyến xếp vị trí 56/63 (giảm 07 bậc so với năm 2019). Theo Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, cùng Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam về đánh giá xếp hạng an toàn thông tin mạng của các cơ quan, tổ chức nhà nước năm 2021, Quảng Trị hiện thuộc nhóm khá trong cả nước về đảm bảo an toàn thông tin mạng và là năm thứ 2 liên tiếp Quảng Trị duy trì được nhóm xếp hạng này.

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh đến nay vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, cũng như yêu cầu của công cuộc CNH-HĐH đất nước; vai trò động lực và tiềm năng to lớn của CNTT chưa được phát huy mạnh mẽ, việc phát triển nguồn nhân lực CNTT chưa được chuẩn bị kịp thời cả về số lượng và chất lượng, đầu tư cho CNTT chưa đạt mức cần thiết, việc quản lý nhà nước và triển khai sự nghiệp về CNTT đang phân tán và thiếu hiệu quả, việc ứng dụng CNTT đầu đó vẫn còn mang tính hình thức, chưa thiết thực và gây lãng phí. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của CNTT chưa thực sự đầy đủ; các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước chưa được thực hiện một cách triệt để; việc ứng dụng CNTT chưa gắn liền với quá trình cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước; các chính sách nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT chậm được ban hành; việc đầu tư cho xây dựng hạ tầng thông tin chưa được xem là loại đầu tư cho xây dựng hạ tầng kinh tế xã hội.

Trước thực trạng trên, việc chuyển đổi số là xu hướng phát triển mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các cấp, các ngành, các địa phương; tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp; phát triển mạnh kinh tế số và xã hội số; hướng đến lợi ích của người dân, doanh nghiệp; phấn đấu đến năm 2030, Quảng Trị cơ bản hoàn thành các mục tiêu tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày

03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời từng bước nâng thứ hạng của Quảng Trị trên Bảng xếp hạng đánh-giá chỉ số Chuyển đổi số (DTI) hàng năm, ngày 04/11/2021 Tỉnh ủy Quảng Trị ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị, việc xây dựng Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết số 36- NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết số 17/NQ-CP, ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2289/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

Quyết định số 742/QĐ-TTg, ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 – 2030;

Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/06/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.

Công văn số 2304/BTTTT-THH, ngày 29/06/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thực hiện chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 190-KH/TU, ngày 12/8/2020 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Chương trình hành động số 07-CTHĐ/TU, ngày 08/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng đến 2030;

Quyết định số 702/QĐ-UBND, ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động số 07-CTHĐ/TU, ngày 08/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng đến 2030.

Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

PHẦN II

CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

1. Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý triển khai công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)

Để đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, tỉnh Quảng Trị đã ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công nghệ thông tin¹.

¹ Cụ thể như:

- Kế hoạch hành động số 4142/KH-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36- NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị;
- Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 3061/KH-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020;
- Kế hoạch số 3844/KH-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh về việc Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng một cửa điện tử được tích hợp trên công giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị;
- Kế hoạch số 4339/KH-UBND ngày 03/10/2018 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;
- Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, phiên bản 1.0;
- Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 về việc ban hành Đề án: Xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn đến 2030;
- Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 ban hành danh sách mã định danh các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Trị;
- Kế hoạch số 3224/KH-UBND ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về cấu hình kỹ thuật và vị trí lắp đặt hệ thống camera trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

2. Hạ tầng thông tin

2.1. Cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT)

Hiện toàn tỉnh có 215 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, trong đó: 88 bưu cục cấp 2 và 3, 01 bưu cục Hệ 1; 109/125 xã, phường có điểm BĐ-VHX; 6 đại lý chuyên phát; 3 văn phòng đại diện; 101/125 xã, phường, thị trấn và 9/10 huyện, thị, thành phố có báo đến trong ngày (riêng huyện đảo Côn Cò). Bán kính phục vụ bình quân 2,383 km/1 điểm phục vụ; số dân được phục vụ 3.020 người/1 điểm phục vụ; 05/109 điểm BĐVHX duy trì dự án Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập Internet công cộng, các điểm còn lại duy trì 01 máy tính để phục vụ các dịch vụ VTCT. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện có 03 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet là Viễn thông Quảng Trị, Viettel Quảng Trị và chi nhánh FPT Quảng Trị. Tổng số dung lượng công lắp đặt trên địa bàn toàn tỉnh đạt 153.555 công, dung lượng công sử dụng đạt 87.300 công, hiệu suất sử dụng đạt 56,8%.

Mạng Internet băng rộng cố định đã triển khai cung cấp dịch vụ tới trung tâm 125/125 xã, phường, thị trấn về các thôn, bản, khu phố đạt 86%; riêng huyện đảo Côn Cò lắp đặt 01 DSLAM, dung lượng lắp đặt là 64 công; 01 L2 SWITCH dung lượng sử dụng là 24 công; dung lượng truyền dẫn là 20 luồng E1

- Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành danh sách mã định danh các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Quảng Trị;

- Kế hoạch số 2161/KH-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi Ipv4 sang IPv6 cho hệ thống Công nghệ thông tin, Internet của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025;

- Kế hoạch số 4365/KH-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Kế hoạch số 4999/KH-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh truyền thông về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Kế hoạch số 5525/KH-UBND ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc số hóa kế quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ;

- Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 07/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Công dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Trị;

- Kế hoạch số 5884/KH-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 6012/KH-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 5980/KH-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về Triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế sử dụng, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động Công thông tin phản ánh hiện trường tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 ban hành danh sách mã định danh các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Trị.

- Quyết định số 2926/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị, phiên bản 1.0.

(40 Mbps) và 64 luồng E1 (128Mbps) và sử dụng 01 tuyến truyền dẫn Viba IP Đông Hà-Cồn Cỏ (500Mbps), 02 tuyến truyền dẫn Viba IP Vĩnh Linh-Cồn Cỏ (200Mbps);

Tổng số thuê bao Internet toàn tỉnh đạt 103.662 thuê bao, đạt mật độ 16,1 thuê bao/100 dân.

2.2. Cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cơ quan nhà nước

Hạ tầng máy tính: Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức trong toàn tỉnh bình quân ước đạt 93.3%. Trong đó, tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức các sở, ban ngành cấp tỉnh ước đạt 100%; tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức cấp huyện ước đạt 100% và tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức cấp xã ước đạt 80%.

Hạ tầng mạng LAN: 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh; 90% cơ quan nhà nước cấp huyện và 60% cơ quan nhà nước cấp xã có mạng nội bộ LAN phục vụ việc kết nối chia sẻ dữ liệu và hạ tầng thông tin trong triển khai ứng dụng CNTT tại địa phương, đơn vị.

Hạ tầng kết nối Internet: 100% cơ quan nhà nước các cấp đều đã kết nối Internet, với 95% máy tính được kết nối Internet (*trừ số máy tính của cán bộ kế toán và máy tính của một số cán bộ chuyên soạn thảo văn bản quan trọng, có tính chất mật*).

Hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng: Đã được Cục Bưu điện Trung ương triển khai và kết nối đến 100% các sở, ban, ngành, địa phương trong toàn tỉnh. Song, do băng thông hạn chế (*không đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng*) và chi phí thuê được truyền cao nên đến nay tỷ lệ đơn vị sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh chỉ ước đạt 2.8%.

Trong các đơn vị giáo dục: Nhìn chung, hạ tầng công nghệ thông tin trong các đơn vị giáo dục đã được đầu tư trang bị khá tốt, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên cũng như học sinh trong các trường. Về hạ tầng máy tính, đến nay 100% các trường chuyên nghiệp, các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh có trang bị máy tính phục vụ quản lý và giảng dạy; trong đó, 100% trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo về công nghệ thông tin có trang bị phòng thực hành phục vụ giảng dạy công nghệ thông tin. 100% các trường trung học phổ thông có đủ phòng máy tính cho toàn bộ học sinh của trường học tin học (đạt 100% quy hoạch), đảm bảo mỗi phòng có từ 25 máy tính trở lên. 85,5% trường trung học cơ sở và 59% trường tiểu học có phòng máy tính với trên 15 máy/phòng. Hầu hết số phòng máy tại các trường học đều được kết nối Internet và mạng LAN. Về hạ tầng mạng LAN, đến nay 100% các trường chuyên nghiệp, trung học phổ thông kết nối mạng LAN và Internet (đạt 100% quy hoạch); 80% trường trung học cơ sở và tiểu học kết nối mạng LAN; 100% trường trung học cơ sở và tiểu học kết nối Internet ADSL (đạt 100% quy hoạch).

Trong các đơn vị y tế: Nhìn chung, hạ tầng công nghệ thông tin tại các bệnh viện và cơ sở y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng của các y, bác sỹ trong việc quản lý, khám và chữa bệnh. Đến nay 100% các đơn vị bệnh viện, trạm y tế xã/phường và cơ sở y tế khác (bao gồm các trung tâm y tế huyện và phòng khám đa khoa khu vực) trên địa bàn tỉnh đã trang bị máy tính; 100% đơn vị bệnh viện và cơ

sở y tế khác kết nối mạng LAN và Internet (đạt 100% quy hoạch); 100% trạm y tế xã/phường đã kết nối mạng LAN và Internet.

3. Các Hệ thống nền tảng và Cơ sở dữ liệu

Thực hiện Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, đến nay Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP) đã được triển khai tại địa chỉ <http://truclienthong.quangtri.gov.vn/ihorae> và đã chia sẻ và tích hợp với trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); kết nối liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) để chia sẻ các dịch vụ về hộ tịch tư pháp, lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, VNPost, danh mục dùng chung, cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách...

- Đến nay, nhiều ứng dụng và cơ sở dữ liệu được triển khai tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh như: phần mềm quản lý cấp giấy phép lái xe, quản lý cầu đường, quản lý vi phạm, quản lý đối tượng chính sách, quản lý công tác tiếp dân, quản lý tài sản, quản lý phổ cập giáo dục... cơ sở dữ liệu lưu trữ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, cơ sở dữ liệu GIS chuyên đề bưu chính, viễn thông Quảng Trị, cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin cán bộ, công chức tỉnh, cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin về khoa học và công nghệ, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh, cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo tỉnh, cơ sở dữ liệu phòng ngừa và xử lý sự cố hóa chất tỉnh Quảng Trị hay các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai - nhà ở, đăng ký doanh nghiệp, tài chính... song các cơ sở dữ liệu chuyên ngành này chưa được quản lý tập trung theo quy mô toàn tỉnh.

4. Về triển khai Chính quyền điện tử

4.1. *Hệ thống thư điện tử công vụ*: Được triển khai đồng bộ tại tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh (*tên miền @quangtri.gov.vn*); là một kênh trao đổi thông tin hiệu quả giữa các địa phương, đơn vị trong và ngoài tỉnh; cũng là công cụ trao đổi thông tin của các cán bộ, công chức giúp tiết kiệm thời gian và chi phí. Tỷ lệ cán bộ, công chức của tỉnh được cấp hộp thư điện tử công vụ đạt 100%; tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc ước đạt trên 60%.

4.2. *Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc* (<https://vpdt.quangtri.gov.vn>): Đáp ứng Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; được triển khai đồng bộ tại 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ văn bản được gửi qua mạng giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt trên 95% (*trừ những văn bản mật hoặc tuyệt mật*).

4.3. Dịch vụ Cổng thông tin điện tử

Ngoài trang thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <http://www.quangtri.gov.vn>; đến nay 100% các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trang thông tin điện tử (*độc lập*) cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. 100% văn bản quy phạm pháp luật, hơn 90% văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh được cập nhật trên trang thông tin điện tử của tỉnh; bảo đảm hệ thống chỉ đạo, điều hành và

trao đổi thông tin thông suốt từ UBND tỉnh đến các đơn vị trực thuộc. Nhìn chung, các trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

4.4. Dịch vụ công trực tuyến

Đến nay, 59,9% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.quangtri.gov.vn>. Tính đến ngày 15/6/2022, Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị đã cung cấp được 19 dịch vụ công trực tuyến mức độ 1; 572 dịch vụ công trực tuyến mức độ 2; 205 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; 1188 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Ngày 07/12/2020, UBND tỉnh Quảng Trị cũng đã ban hành Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Trị.

4.5. *Ứng dụng một cửa điện tử*: Đến nay, Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh được triển khai đồng bộ, thống nhất đến 100% các Sở, ban ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ <https://motcua.quangtri.gov.vn>; đã tích hợp, kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công và cổng thanh toán Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh và các cơ sở dữ liệu dùng chung của các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng ... qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP).

4.6. *Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng*: Thực hiện Kế hoạch số 3061/KH-UBND, ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020; tính đến ngày 20/12/2021, toàn tỉnh có gần 800 tổ chức và 2.700 cá nhân được cấp chữ ký số chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và gửi nhận văn bản qua mạng. Tuy nhiên, việc ứng dụng chữ ký số trong gửi nhận văn bản điện tử đến nay chưa được các đơn vị triển khai đồng bộ và thường xuyên; một số ứng dụng dùng chung như hệ thống một cửa điện tử... chưa tích hợp ký số chuyên dùng; nhiều tổ chức và cá nhân đã làm thất lạc bộ công cụ ký số sau khi được cấp.

4.7. *Ứng dụng Hội nghị truyền hình*: Thực hiện Quyết định số 2782/QĐ-UBND, ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh, hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh được triển khai tại Văn phòng UBND tỉnh (điểm cầu trung tâm) và 09 Văn phòng UBND cấp huyện (điểm cầu vệ tinh). Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn đã được hỗ trợ triển khai Hội nghị truyền hình kết nối 2 chiều từ Chính phủ về cấp xã, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành, lĩnh vực

5.1. *Lĩnh vực y tế*: Sở Y tế đã triển khai các hệ thống phần mềm như: hệ thống quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm, hệ thống quản lý thông tin xét nghiệm, hồ sơ sức khỏe điện tử, hệ thống quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, hệ thống thống kê y tế điện tử, hệ thống báo cáo thông tin bệnh truyền

nhiệm, hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng, hệ thống quản lý dân số - kế hoạch hóa gia đình.

5.2. *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: ngành giáo dục của tỉnh đang sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm quản lý như: Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thư viện, Phần mềm thiết kế bài giảng điện tử Elearning, Phần mềm quản lý ngân hàng đề thi, Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tỉnh, Xây dựng phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, Cập nhật tính năng phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục cho các trường phổ thông tỉnh Quảng Trị, Triển khai phần mềm quản lý giáo dục mầm non cho các trường mầm non tỉnh Quảng Trị, Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình ngành giáo dục.

5.3. *Lĩnh vực tài nguyên và môi trường*: Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai và sử dụng cơ sở dữ liệu chi tiết gồm CSDL đất đai; CSDL môi trường; CSDL tài nguyên, môi trường vùng biển, ven bờ và hải đảo tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra, đang thực hiện CSDL về biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị.

5.4. *Lĩnh vực giao thông vận tải*: Sở Giao thông vận tải đã triển khai các phần mềm như: Quản lý đào tạo sát hạch cấp giấy phép lái xe; quản lý cầu đường bộ; quản lý vi phạm hành chính về an toàn giao thông; quản lý thiết bị giám sát hành trình.

5.5. *Lĩnh vực thương mại điện tử*:

- Sàn giao dịch Thương mại điện tử (TMĐT) tỉnh Quảng Trị: Được triển khai tại địa chỉ quangtritrade.gov.vn; đến nay có 70 doanh nghiệp thành viên tham gia bán hàng hoặc cung ứng dịch vụ với 231 sản phẩm/dịch vụ thuộc 14 nhóm, ngành được trưng bày trên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh.

- Sàn TMĐT PostMart.vn: Đến nay có 264 sản phẩm (bao gồm các sản phẩm nông sản, đặc sản, lương thực, thực phẩm,...) với 53 sản phẩm OCOP (gồm 7 sản phẩm 4 sao, 46 sản phẩm 3 sao) của 9 huyện, thị xã, thành phố tham gia Sàn TMĐT PostMart.vn. Có 580 hộ sản xuất nông nghiệp (SXNN) với 36 chủ thể OCOP gồm 7 Hợp tác xã (HTX), 12 doanh nghiệp (DN) và 17 Hộ sản xuất kinh doanh (SXKD) tham gia Sàn. Mục tiêu cuối năm 2021 sẽ hoàn thành đưa 32 ngàn hộ SXNN lên sàn TMĐT thúc đẩy kinh tế số khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Sàn TMĐT VoSo.vn : Toàn tỉnh hiện có 320 sản phẩm (bao gồm các sản phẩm nông sản, đặc sản, lương thực, thực phẩm,...); 19 sản phẩm OCOP tham gia Sàn TMĐT VoSo.vn. Có 89 hộ SXNN tại 9 huyện, thị, thành phố tham gia Sàn với sản lượng trung bình tháng từ 150-200 đơn hàng. Các sản phẩm bán chạy như măng muối chua, măng dầm tỏi ớt, măng khô, muối...

Thực hiện Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ SXNN lên sàn TMĐT và Kế hoạch số 5980/KH-UBND ngày 28/12/2021 UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND ban hành Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 15/10/2021 về Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Trị.

- Thanh toán điện tử: Đến nay, Công DVC trực tuyến tỉnh đã kết nối Công DVC và Công thanh toán quốc gia để triển khai thanh toán điện tử trong giải

quyết thủ tục hành chính, ngoài ra người dân và doanh nghiệp cũng có thể sử dụng mã QRcode để thanh toán phí, lệ phí giải quyết TTHC trên địa bàn. Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Trị đã được triển khai tại địa chỉ quangtritrade.vn; đến nay có 43 gian hàng đã đăng ký tham gia với 142 sản phẩm được trưng bày trên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh. Nhìn chung, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Quảng Trị chưa nhận thức đầy đủ vai trò của thương mại điện tử trong xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

5.6. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai Hệ thống Thư viện số tỉnh Quảng Trị. Các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh rất quan tâm nâng cấp cơ sở kinh doanh, ứng dụng CNTT trong xây dựng hình ảnh, quảng bá thương hiệu, tăng cường kết nối với các đơn vị lữ hành ngoài tỉnh nhằm thu hút nguồn khách du lịch về Quảng Trị.

Ngoài ra, tỉnh Quảng Trị cũng đã triển khai có hiệu quả hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và hệ thống quản lý hộ kinh doanh cá thể. Việc cập nhật thông tin, thành phần hồ sơ, quy trình nghiệp vụ, thông tin quản lý hồ sơ doanh nghiệp được thực hiện dựa trên những tiêu chí như: cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp.

- Sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực CNTT: Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (bao gồm tất cả các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, thành phần kinh tế đăng ký kinh doanh) năm 2020 là 7020 doanh nghiệp. Trong đó, số lượng doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực CNTT là 560 doanh nghiệp. Tổng số lao động CNTT trong các doanh nghiệp CNTT là 1889 người, thu nhập bình quân khoảng 71.000.000 đồng/người/năm. Tổng doanh thu CNTT năm 2020 là 618,8 tỷ đồng.

6. Lĩnh vực Viễn thông

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 06 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: Viễn thông Quảng Trị (VNPT), Viễn thông Quân đội (Viettel), MobiFone, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (Vietnamobile), Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV).

Tổng số thuê bao sử dụng Smartphone trên toàn tỉnh là 555.456 thuê bao. Tỷ lệ thuê bao sử dụng Smartphone/100 dân chỉ đạt 85,7%. Tỷ lệ thuê bao sử dụng smartphone/tổng số thuê bao di động chỉ đạt 83,3%.

Trên địa bàn có 1.188 vị trí trạm BTS với 2.982 trạm 2G, 3G, 4G (819 trạm 2G, 1.108 trạm 3G, 1.055 Trạm 4G) của 04 doanh nghiệp viễn thông di động (Viettel, VNPT, MobiFone, Vietnammobile). Tỷ lệ hạ tầng phủ sóng di động theo thôn, bản, khu phố (2G, 3G, 4G) đạt 97,6%, trong đó 3G và 4G đạt 97%.

7. Nguồn nhân lực CNTT

Toàn tỉnh có 13/20 sở, ban, ngành cấp tỉnh; 08/10 huyện, thị xã, thành phố; 07/09 phòng Văn hóa và Thông tin được bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin. So với mục tiêu đặt ra tại Kế hoạch số 5177/KH-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh thì chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh đến nay chưa đạt.

100% cán bộ công chức tinh biết sử dụng máy tính trong công việc. Ngày 16/12/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 428/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyên đổi số tỉnh Quảng Trị thay thế cho Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh về việc kiêm toàn Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị; qua đó đã góp phần thực hiện tốt công tác chỉ đạo phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

8. An toàn thông tin

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; ngày 03/10/2018 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4339/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg trên địa bàn tỉnh. Trước đó, ngày 29/8/2016 UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND về việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

Hiện nay, tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp bảo đảm an toàn thông tin như Hệ thống firewall tích hợp IPS chống tấn công Web; Hệ thống Network Inspector cảnh báo, giám sát tấn công mạng; Hệ thống bảo mật, chống thư rác (spam email) cho hệ thống thư điện tử; đặc biệt là hệ thống giám sát mã độc Bkav Endpoint AI và hệ thống giám sát thông tin Bkav Total NAC tập trung được triển khai tại 100% máy tính của cán bộ công chức cấp tỉnh.

Hệ thống giám sát an ninh mạng đã được triển khai thử nghiệm tại Sở Thông tin và Truyền thông và đã kết nối với Trung tâm giám sát an ninh mạng quốc gia.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

1.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Phấn đấu 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ: <http://dichvucong.quangtri.gov.vn> trước năm 2025;

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử công vụ của tỉnh trong công việc;

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký

doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm, Tư pháp,... để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội;

- Tối thiểu 60% các sở, ban, ngành có hệ thống thông tin/ cơ sở dữ liệu dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh, hình thành các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.

1.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu kinh tế số chiếm 10% GRDP;
- Duy trì Quảng Trị nằm trong nhóm khá của cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);
- Từng bước ứng dụng các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

1.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã;
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 35%.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- Duy trì và từng bước nâng thứ hạng của Quảng Trị trên Bảng xếp hạng chỉ số VietNam ICT Index. Duy trì Quảng Trị thuộc nhóm khá trong cả nước về bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Phần đầu đưa Quảng Trị nằm trong nhóm 30 tỉnh/thành phố dẫn đầu về Cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 15% GRDP;
- Quảng Trị thuộc 20 tỉnh/thành phố dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI);

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 45%.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển các nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc chọn xã Hướng Phùng huyện Hướng Hóa để triển khai thử nghiệm các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số, từ đó phát triển nhân rộng trong địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1.2. Kiến tạo thể chế

Kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

- Xây dựng và ban hành các quy định về tính pháp lý của Dữ liệu số (Trong đó có quy định về việc thu thập dữ liệu một lần).

- Xây dựng mới quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định, tiêu chuẩn danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình. Chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng và ban hành các quy định về việc thu thập, quản lý, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng Dữ liệu trên môi trường số trong các cơ quan nhà nước của tỉnh (dữ liệu và dữ liệu mở); Quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức.

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn tỉnh trên nền tảng chung chính sách của quốc gia.

- Xây dựng và ban hành các quy định về quản trị, giám sát và vận hành hệ

thống CNTT cho Hệ thống thông tin Chính quyền số.

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền số, đô thị thông minh.

1.3. Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng, bao gồm:

- Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số.

- Thí điểm và nhân rộng việc xây dựng và sử dụng mạng 5G cùng với xây dựng lộ trình bỏ mạng 2G, 3G tại tỉnh Quảng Trị.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng sử dụng đám mây, bổ sung và nâng cấp hạ tầng phần cứng, máy chủ, máy trạm đáp ứng nhu cầu về sử dụng công nghệ thông tin trong giai đoạn chuyển đổi số. Xây dựng giải pháp dự phòng trung tâm dữ liệu của tỉnh, nhằm đảm bảo nguyên tắc hoạt động 24/7 trong các tình huống xấu khác nhau.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6) đối với toàn bộ hệ thống ứng dụng của tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng mạng lưới băng thông rộng, chất lượng cao kết nối 100% khối cơ quan nhà nước, các khu công nghiệp trong tỉnh. Đồng thời rà soát, nâng cao mức độ bảo mật của hệ thống mạng WAN đang kết nối và sử dụng tại tỉnh Quảng Trị.

- Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu tỉnh có ít nhất 01 trung tâm dữ liệu có năng lực tính toán cao và được kết nối đồng bộ để phục vụ các hệ thống thông tin của tỉnh tin cậy, ổn định, dựa trên công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3.

- Triển khai, phát triển Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh.

- Chuẩn hóa mạng truyền số liệu chuyên dùng trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số.

- Duy trì hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đến cấp huyện đảm bảo chất lượng HD để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh.

- Duy trì hệ thống Wifi công cộng thông minh trên địa bàn thành phố Đông Hà và một số điểm phát triển du lịch, dịch vụ quan trọng trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu truy cập thông tin qua Internet thuận lợi cho nhà đầu tư, khách du lịch và Nhân dân trong tỉnh khai thác các tiện ích được cung cấp bởi đô thị thông minh, Chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai

tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước, để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu của tỉnh phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển đô thị như quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước...

- Tổ chức số hóa dữ liệu quản lý chuyên ngành tại các cơ quan hành chính nhà nước. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử.

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới.

- Thực hiện tái cấu trúc các dữ liệu từ các hệ thống thông tin đang vận hành khai thác của tỉnh, đảm bảo cung cấp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Hạ tầng dữ liệu cần đảm bảo được nhu cầu cung cấp và khai thác thông tin từ các hệ thống bên ngoài (từ hệ thống đô thị thông minh cũng như các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài).

1.4. Phát triển dữ liệu

1.4.1. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung

- Đối với cơ sở dữ liệu doanh nghiệp: thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu về thuế, cơ sở dữ liệu về xuất nhập khẩu, hình thành một cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thống nhất của tỉnh, phục vụ cho nhu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan nhà nước tỉnh có thẩm quyền.

- Đối với cơ sở dữ liệu về người dân: cơ sở dữ liệu người dân được hình thành trên cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư (bao gồm nhân khẩu thường trú và nhân khẩu tạm trú), cơ sở dữ liệu hộ tịch và Kho dữ liệu điện tử cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đây là các nguồn cung cấp các thông tin cơ bản của người dân. Trên cơ sở đó sẽ phát triển mở rộng tích hợp các dữ liệu liên quan đến người dân như y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội...

- Đối với cơ sở dữ liệu nền địa chính: Rà soát, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa hình, hình thành một bản đồ số nền dùng chung thống nhất của tỉnh. Sau đó, sẽ thực hiện bổ sung các lớp dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý đô thị như giao thông, quy hoạch, xây dựng, điện, nước.

- Đối với cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Rà soát, phân loại, số hóa kết quả hồ sơ thủ tục hành chính còn hiệu lực của các cơ quan hành chính nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh, hình thành cơ sở dữ liệu sống, sạch, có thể tái sử dụng trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

1.4.2. Xây dựng công dữ liệu mở của tỉnh

Kho dữ liệu dùng chung cũng là nguồn cung cấp dữ liệu làm cơ sở phát triển Hệ sinh thái dữ liệu mở cho tỉnh. Mở dữ liệu cho doanh nghiệp tham gia sáng tạo thêm các dịch vụ mới cho người dân. Đây là kênh thông tin, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống, và khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội.

Đồng thời, doanh nghiệp có thể tham gia sử dụng dữ liệu mở để tạo ra sản phẩm giá trị mới đóng góp cho hệ sinh thái ứng dụng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế tri thức, xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

1.5. Xây dựng nền tảng số

Phát triển nền tảng số mang tính thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích rõ ràng cho xã hội. Nền tảng số được tích hợp sẵn các chức năng về bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng. Tập trung phát triển các nền tảng số sau:

1.5.1. Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu

Đề nâng cao hiệu quả đầu tư đối với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu, nhiệm vụ cần làm đến năm 2025 là:

- Tiếp tục triển khai mở rộng, hoàn thiện Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh. Kết nối nền tảng định danh xác thực được sử dụng trong hệ thống chính quyền điện tử, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); triển khai chuyên hóa, số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu ngành hướng tới tích hợp kết nối chia sẻ liên thông dữ liệu giữa các ngành...

- Xây dựng nền tảng đô thị thông minh (SCP) của tỉnh Quảng Trị phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh.

1.5.2. Nền tảng trí tuệ nhân tạo

Cần xây dựng cả hai loại nền tảng trí tuệ nhân tạo: các nền tảng giao dịch và các nền tảng đổi mới sáng tạo.

Các nền tảng trí tuệ nhân tạo trong hai nhóm này phải phục vụ cho cả ba mục tiêu: chính quyền số của tỉnh, nền kinh tế số của tỉnh và đô thị thông minh.

Phân biệt rõ các nền tảng trí tuệ nhân tạo được phát triển chung toàn quốc theo kế hoạch, và tập trung xây dựng các nền tảng đặc thù của tỉnh Quảng Trị gắn về chính quyền số, kinh tế số và đô thị thông minh.

1.5.3. Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa

Có vai trò như “chợ” số hóa cho phép kết nối đơn vị có nhu cầu và đơn vị cung cấp dịch vụ số hóa.

Bảo mật tài liệu bằng quy trình số hóa chuẩn để không làm lộ, lọt dữ liệu quan trọng ra bên ngoài.

Lưu trữ tài liệu được số hóa, làm hồ sơ gốc căn cứ tính toán khối lượng dịch vụ số hóa.

1.5.4. Nền tảng chuỗi khối (blockchain)

Xây dựng nền tảng blockchain để phục vụ nhu cầu về sử dụng công nghệ blockchain trong các hệ thống thông tin của tỉnh Quảng Trị. Nền tảng blockchain cần đảm bảo các yêu cầu chung sau:

- Tổ chức lưu trữ dữ liệu dạng khối (block).
- Quản lý, kiểm soát các điểm truy cập tham gia chuỗi (blockchain).
- Mã hóa, đảm bảo tính an toàn và toàn vẹn dữ liệu.
- Truy vết dữ liệu.

1.5.5. Nền tảng định danh điện tử (eID)

Nền tảng định danh điện tử (eID) là nền tảng lõi của hoạt động chính quyền số cũng như đô thị thông minh. Công nghệ xây dựng định danh điện tử dựa trên những công nghệ tân tiến:

- Sinh trắc học;
- Dữ liệu lớn;
- Trí tuệ nhân tạo.

Nền tảng định danh điện tử tỉnh Quảng Trị sẽ gồm những chức năng cơ bản:

- Bóc tách sinh trắc học nhận dạng người dân dưới dạng đặc tính số.
- Lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.
- Kết nối nền tảng định danh xác thực được sử dụng trong hệ thống chính quyền điện tử, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh Quảng Trị.

1.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Đảm bảo an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để chuyển đổi số. Để đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho hệ thống CNTT, tỉnh cần dành ít nhất 10% ngân sách chi cho CNTT, chuyển đổi số cho an toàn, an ninh mạng, thực hiện bảo vệ 4 lớp theo Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng của tỉnh triển khai giám sát, điều hành kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia - Cục An toàn thông tin.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chuyên trách CNTT kết hợp với nhân sự phụ trách công nghệ thông tin các doanh nghiệp, tổ chức.

- Xây dựng các chính sách và quy định về vai trò và quyền khi truy cập dữ liệu ở các mức độ khác nhau.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ nhân viên trong cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển đổi số, cần được thực hiện định kỳ hằng năm với nội dung cập nhật.

- Ban hành các quy định về tính riêng tư và cần bảo vệ đối với các thông tin liên quan đến cá nhân để mã hoá và lưu trữ, sẵn sàng bảo mật khi cần chia sẻ với các bên liên quan khác.

- Đối với hệ thống kho dữ liệu dùng chung của tỉnh cần xây dựng các quy định và phân quyền truy cập dữ liệu ở các cấp độ phụ thuộc vào chức năng,

nhiệm vụ được giao; Yêu cầu vị trí việc làm đảm nhiệm vai trò quản trị các dữ liệu nhạy cảm cần cam kết tính bảo mật, toàn vẹn dữ liệu.

- Trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, thực hiện mã hóa dữ liệu,.. cần bắt buộc tuân thủ các tiêu chuẩn trong và ngoài nước về tính riêng tư, an ninh, an toàn thông tin và các tiêu chuẩn mã hóa, lưu trữ, giao tiếp/kết nối các hệ thống.

- Duy trì tổ chức Diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm; Đảm bảo hoạt động mạng lưới an toàn thông tin của tỉnh, kết nối thường xuyên với mạng lưới quốc gia.

- Tổ chức đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin của tỉnh; hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển đô thị thông minh, Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

Từng bước xây dựng và phát triển nguồn nhân lực trong tỉnh bao gồm:

- Tập trung triển khai phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh.

- Xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước thành các chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành.

- Xây dựng chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo về kiến thức, kỹ năng số cho các cấp học tại tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

2. Phát triển Chính quyền số

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

Đảm bảo 100% các ngành hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thống kê phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế- xã hội.

Phát triển Hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thể mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng mà Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật.

Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông

minh, triển khai Trung tâm giám sát, điều hành thông minh gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị.

Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Quảng Trị phục vụ phát triển chính quyền số.

Xây dựng Hệ thống quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO) phục vụ cung cấp dịch vụ công cho người Dân và doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Trị.

Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia của người dân. Xây dựng phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả công việc tại các cơ quan nhà nước.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 và kết quả triển khai Chính quyền điện tử; triển khai hiệu quả chương trình truyền thông về Chính quyền điện tử của tỉnh.

Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Quảng Trị phiên bản 2.0 phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2.1. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tích hợp các dịch vụ theo nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp; chỉ cần sử dụng một tài khoản đăng nhập để sử dụng cho tất cả các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Quảng Trị;

- Người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần vì các cơ quan nhà nước phải chia sẻ dữ liệu với nhau, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp nhiều lần.

- Thông tin hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ do tỉnh Quảng Trị cung cấp được cung cấp đầy đủ, thuận tiện truy cập.

- Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia của người dân.

- Hoàn thiện phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả công việc tại các cơ quan nhà nước.

- Thông tin của người dân và doanh nghiệp được đảm bảo an toàn.

2.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước

- Ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định tốt hơn.

- Ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để cải tiến, thay đổi quy trình tác

nghiệp để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn và nhanh hơn.

- Ứng dụng khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu lớn và dữ liệu tích hợp toàn tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện phần mềm ứng dụng tại cơ quan, đơn vị thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ và với các cơ quan, đơn vị khác để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo liên kết, chia sẻ, kết nối với Hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Các cán bộ, công chức được đào tạo để nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và có đầy đủ thông tin, dữ liệu.

2.3. Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh

Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh các thành phần tuân thủ theo công văn hướng dẫn số 631/THH-THHT ngày 21/05/2020 về việc hướng dẫn yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật của Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp bộ, cấp tỉnh (phiên bản 1.0)

2.4. Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền

Số hoá nằm trong những việc đầu tiên cần làm của công cuộc chuyển đổi số. Về lâu dài, các loại thực thể khác nhau của nền kinh tế, của chính quyền, của xã hội đều cần được số hóa, sử dụng và khai thác. Do số hoá và chuyển đổi số là một quá trình lâu dài, việc số hoá cần gắn với các nhiệm vụ chuyển đổi số của tổ chức, được kế hoạch theo nhiều giai đoạn với các bước cơ bản như lựa chọn đối tượng số hoá, thực hiện số hoá, lưu trữ dữ liệu được số hoá, tổ chức dữ liệu số hoá phù hợp với các nhu cầu khai thác, sử dụng dữ liệu...

Nhìn chung, có thể chia ra hai loại dữ liệu là kết quả sau số hoá: số và văn bản (số). Dữ liệu số thường gồm dữ liệu đo đạc, ghi chép (như số liệu kinh doanh của doanh nghiệp, điểm của học sinh, dữ liệu dân cư...) hoặc do máy móc tạo ra (ảnh camera giao thông, dữ liệu cảm biến, điện thoại di động...). Dữ liệu văn bản số được tạo ra từ văn bản in với các chương trình nhận dạng chữ OCR hoặc do người dùng trực tiếp soạn văn bản trên máy tính. Hai loại dữ liệu văn bản sau cần được đặc biệt quan tâm số hoá với các hệ thống khai thác trong quá trình chuyển đổi số của Chính quyền tỉnh:

- Xây dựng hệ thống quản lý văn bản bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của tỉnh, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Các hồ sơ điện tử về dịch vụ công cần được quản lý bằng các hệ thống quản lý hồ sơ.

- Xây dựng hệ thống thu thập và tổ chức lưu trữ các báo cáo của tỉnh và các đơn vị trực thuộc của tỉnh. Xây dựng hệ thống tự động phân tích văn bản báo cáo và đưa ra các nhận định, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời.

3. Phát triển Kinh tế số

3.1. Phổ biến kiến thức

- Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công và thất bại của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số ở trên thế giới và ở Việt Nam.

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

3.2. Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử

- Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics.

- Tập trung tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử đa dạng; tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới. Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về kinh doanh thương mại điện tử và công khai kết quả trên mạng Internet đối với những trường hợp có đơn thư tố cáo, khiếu nại của người tiêu dùng.

3.3. Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

- Xây dựng và triển khai cách hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số.

- Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có giải pháp về nguồn vốn, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách cho phép doanh nghiệp sử dụng quỹ khoa học công nghệ của mình một cách thuận lợi để thực hiện chuyển đổi số.

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới trên nền tảng số.

3.4. Chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế số

Cơ bản xây dựng thành công chính quyền số nhằm hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nền kinh tế số:

- Trung tâm dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên dùng và mở nhằm cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời cho doanh nghiệp.

- Các thủ tục hành chính được công khai, minh bạch, nhanh chóng ... hỗ trợ doanh nghiệp.

- Các phân tích dữ liệu lớn về tình hình và xu thế thị trường trong và ngoài nước... giúp các doanh nghiệp định hướng, xây dựng chiến lược và kế hoạch phù hợp.

- Định hướng cho các doanh nghiệp theo một chiến lược phát triển nền kinh tế số thống nhất.

3.5. *Sứ mệnh của các doanh nghiệp CNTT-TT hoạt động trên địa bàn tỉnh*

- Các doanh nghiệp công nghệ tập trung phát triển các công nghệ số nền tảng, đầu tư nghiên cứu và phát triển các công nghệ lõi.

- Các doanh nghiệp công nghệ thông tin đã khẳng định được thương hiệu đảm nhận các sứ mệnh tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số, tư vấn, đào tạo nguồn nhân lực số phục vụ xã hội chuyển đổi số. Tinh lên kế hoạch giao nhiệm vụ đóng góp cụ thể vào chuyển đổi số của tỉnh cho các doanh nghiệp, các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện chuyển đổi số của doanh nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông để nâng cao năng suất lao động và có kinh nghiệm, có thực tế để phục vụ tốt hơn cho công cuộc chuyển đổi số của tỉnh, đóng góp tích cực cho kinh tế số.

3.6. *Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo*

- Mặc dù doanh nghiệp với loại hình hoạt động nào cũng đều có thể chuyển đổi sang kinh tế số, ít nhất trong quản lý sản xuất và quan hệ khách hàng, có những lĩnh vực kinh tế liên quan đến các công nghệ số nhiều hơn, tiêu biểu là các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường số. Các doanh nghiệp này có nhiều cơ hội chuyển qua các loại mô hình kinh tế có tính đột phá cao, như kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ...

- Tỉnh tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

3.7. *Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp*

- 100% cơ quan, đơn vị trong ngành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, nâng cấp hạ tầng viễn thông đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý điều hành.

- Nâng cấp trang thông tin điện tử ngành Nông nghiệp, đồng thời tích hợp vào trang thông tin điện tử tỉnh để thuận tiện trong công tác quản lý, điều hành, giải quyết các thủ tục hành chính; giới thiệu, quảng bá về nông sản chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và thực hiện số hóa một số dữ liệu chính của ngành, ưu tiên tập trung vào các cơ sở dữ liệu về thị trường, vùng sản xuất cây trồng, con nuôi tập trung, bản đồ số về nông hóa thổ nhưỡng; Cơ sở dữ liệu về hệ thống thủy lợi, rừng, hệ thống hạ tầng lâm nghiệp và PCCCR; Bản đồ cảnh báo thiên tai....

- Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS trong cập nhật diễn biến rừng, giám sát cháy rừng, dự báo nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng; Ứng dụng các phần mềm để theo dõi, chăm sóc, quản lý cây trồng, vật nuôi, từng bước hướng đến xã hội hóa các ứng dụng công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số ngành nông nghiệp, trong đó: Kinh tế số chiếm ít nhất 10% GRDP của ngành nông nghiệp; 100% sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên được đưa lên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; Ứng dụng công nghệ số vào một số mô hình sản xuất nông, lâm, thủy sản...; Đào tạo

được ít nhất 05 chuyên gia và trên 250 cán bộ hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp chủ chốt và 600 nông dân có đủ kỹ năng tiếp cận chuyển đổi số.

- Phần đầu có trên 50% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử; trên 50% HTX có tài khoản thanh toán điện tử; có ít nhất 20% HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại điện tử; Hạ tầng băng rộng cáp quang của HTX đạt trên 80%; Phổ cập dịch vụ 4G, 5G cho 100% cán bộ quản lý và thành viên HTX; 100% Giám đốc HTX sử dụng điện thoại thông minh để quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên môi trường mạng. Ít nhất có 50% số hộ sản xuất nông nghiệp ứng dụng điện thoại thông minh để quản lý sản xuất, mua, bán sản phẩm nông nghiệp trên môi trường mạng.

- Chú trọng hoạt động kinh doanh qua mạng, phát triển thương mại điện tử đối với sản phẩm nông nghiệp của địa phương; ứng dụng công nghệ số trong nuôi trồng, quản lý, giám sát chất lượng nông sản, truy xuất nguồn gốc sản phẩm đảm bảo minh bạch, rõ ràng.

3.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực lĩnh vực giao thông vận tải và logistics

- Xây dựng hệ thống giao thông thông minh: Hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng, hạn chế phương tiện cá nhân. Sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khí thải phương tiện, giảm thiểu tiếng ồn.

- Phát triển các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như cảng thủy nội địa, đường sắt ...) trên nền tảng số.

- Phát triển các nền tảng hỗ trợ kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng; qua đó cho phép chủ hàng có thể tìm ra chính xác các kho bãi, dễ dàng tìm ra các phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa; cũng như hỗ trợ việc đóng gói, đăng ký và hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

- Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện trên nền tảng số; cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện trên nền tảng số.

3.9. Chuyển đổi số lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Phối hợp, xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia và các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác như nền địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa chính, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, viễn thám, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, địa chất - khoáng sản...; sử dụng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế-xã hội; triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai trên địa bàn tỉnh.

3.10. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng

Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng của tỉnh ưu tiên cho hai mục tiêu là sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển các phương án

khai thác năng lượng tái tạo trong một đô thị thông minh phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Các doanh nghiệp sản xuất, truyền tải, phân phối năng lượng thực hiện công tác chuyển đổi số theo ngành dọc để trở thành các doanh nghiệp thông minh trong quá trình quản trị doanh nghiệp.

3.11. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán.

- Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập tài chính quốc gia, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay...

- Hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn vay nhờ các giải pháp chấm điểm tín dụng với kho dữ liệu khách hàng và mô hình chấm điểm đáng tin cậy.

3.12. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch

Triển khai thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “ Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025”. Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch của tỉnh Quảng Trị bao gồm các mục tiêu và nhiệm vụ chính sau đây:

- Xây dựng Công thông tin du lịch tỉnh Quảng Trị. Giúp du khách tiếp cận Internet tốc độ cao từ khi đặt chân đến tỉnh Quảng Trị; khuyến khích các điểm du lịch cung cấp các dịch vụ Internet không dây (kết nối Wifi) miễn phí cho tất cả khách du lịch.

- Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu ảnh và video du lịch Quảng Trị: Sử dụng công nghệ ảnh 360 có khả năng tái hiện lại toàn bộ không gian và kiến trúc bất kỳ trong một bức ảnh và công nghệ video 360 tái hiện toàn bộ hình ảnh, âm thanh, trong một không gian với góc nhìn 360 độ.

- Xây dựng hệ thống nhắn tin quảng bá du lịch: Sử dụng tin nhắn được gửi tự động để quảng bá các chương trình du lịch của tỉnh.

- Xây dựng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại tất cả các điểm đến du lịch, đảm bảo hỗ trợ khách du lịch 24/7 trong mọi trường hợp cần sự trợ giúp, khẩn cấp.

- Kết nối liên thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến địa phương và doanh nghiệp du lịch.

- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch (các cơ sở cung cấp dịch vụ cho du lịch, hướng dẫn viên, công ty khai thác du lịch...) được điện tử hóa, số hóa.

4. Phát triển Xã hội số

Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trong nước và trên thế giới để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số không ai bị bỏ lại phía sau.

- Xây dựng kế hoạch, tổng rà soát và triển khai phương án đảm bảo 100% hệ thống cáp quang băng rộng, mạng di động 4G/5G được phủ đến tận cấp xã, thôn, bản.

- Thúc đẩy phát triển không dừng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội.

- Trên cơ sở chương trình đào tạo 100 chuyên gia Chính phủ điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo mỗi số, ngành, địa phương có ít nhất 01 chuyên gia về Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho các cán bộ liên quan tại đơn vị mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa về Chính quyền điện tử, Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp.

- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp, đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa.

4.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa nhằm hỗ trợ người dân được khám và chữa bệnh từ xa; qua đó giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám, chữa bệnh từ xa góp phần thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng

cao chất lượng khám chữa bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thực hiện thanh toán viện phí điện tử, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ thông minh trong y tế của tỉnh; ưu tiên bố trí ngân sách cho các đề tài nghiên cứu y tế thông minh.

4.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. 100% học sinh, sinh viên các cấp tại tỉnh được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến tại các trường học.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện); kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục bao gồm: cơ sở dữ liệu giáo dục tỉnh kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường trên địa bàn tỉnh và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục; triển khai hệ thống họp, hội thảo, tập huấn qua mạng.

4.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hoá

- Tăng cường đầu tư, quảng bá các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng của tỉnh; xây dựng hình ảnh văn hóa con người Quảng Trị thân thiện, văn minh trên không gian mạng và tại kênh Youtube “Đất và Người Quảng Trị” tại địa chỉ: <https://www.youtube.com/channel/UCrWJBjwxKaDVfTxoDovnFxA>.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lễ hội Quảng Trị với các lễ hội dân gian truyền thống, lễ hội lịch sử cách mạng, lễ hội văn hóa và lễ hội tôn giáo.

- Thực hiện số hóa dữ liệu các di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể; bảo tàng và thư viện; triển khai kết nối di sản văn hóa tỉnh với di sản văn hóa quốc gia và thế giới.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về ứng dụng, phát triển CNTT để thúc đẩy chuyển đổi số

- Tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Thực hiện các nhiệm vụ được Trung ương giao theo các Nghị định, chương trình, đề án, chính sách, ... về xây dựng, triển khai các quy định, hướng dẫn thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

và người dân; về đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT; về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền số tỉnh phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ số

- Hoàn thành xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0).

- Triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP) và kết nối với hệ thống trực dữ liệu Quốc gia (NGSP) để liên thông các Hệ thống thông tin ở Trung ương theo lộ trình xây dựng, hoàn thành các hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng nền tảng Chính quyền số, đô thị thông minh; vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh theo tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

3. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thiết thực, có hiệu quả

- Triển khai mô hình Hệ thống thông tin phục vụ hợp không giấy tờ và xử lý công việc của UBND tỉnh, phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND cấp huyện, xã.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống một cửa điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành đồng bộ, liên thông từ tỉnh xuống cơ sở.

- Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

4. Xây dựng Chính quyền số bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân

- Triển khai các hệ thống bảo đảm an toàn thông tin; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh;

- Tổ chức Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, các doanh nghiệp về CNTT để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

- Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và sử dụng trên thiết bị di động để thuận tiện cho việc quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước.

- Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

5. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tăng cường truyền thông và quảng bá hiệu quả về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về lợi ích mang lại từ việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng thụ hưởng.

- Tận dụng các hệ thống thông tin sẵn có, chủ động bố trí, huy động nguồn lực tại chỗ để bảo đảm khả năng sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của tất cả các thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, từng bước có lộ trình nâng cấp, phát triển hệ thống thông tin để xử lý hồ sơ hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả, coi người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là đối tượng phục vụ; phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến nhằm nâng cao số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công.

- Kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông, Cổng dịch vụ công Quốc gia, các CSDL chuyên ngành quốc gia; sẵn sàng kết nối với Hệ thống định danh, xác thực điện tử quốc gia, Hệ thống hỗ trợ thanh toán trực tuyến toàn quốc, các cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng dần tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến của các dịch vụ công trực tuyến.

6. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền số

- Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền số tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền số hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... tại địa phương.

- Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về chuyên đổi số, Chính quyền số, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đối với người dân, doanh nghiệp)..

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở.

- Nghiên cứu, triển khai hợp tác giữa các tỉnh, vùng miền, học tập kinh nghiệm các tỉnh xếp hạng cao về chuyên đổi số, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thể mạnh của các đối tác, không phụ thuộc vào một đối tác duy nhất, đặc biệt trong vấn đề an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo đảm không lộ lọt thông tin, bí mật quốc gia, làm chủ công nghệ và mã nguồn hệ thống.

7. Thiết lập cơ chế bảo đảm thực thi

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trên cơ sở Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh do Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban, trực tiếp chỉ đạo công tác chuyển đổi số, xây dựng và phát triển Chính quyền số của tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện theo mô hình của tỉnh.

- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện đóng vai trò là cơ quan bảo đảm thực thi triển khai việc chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Trị.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030, THEO NGHỊ QUYẾT 02 CỦA TỈNH ỦY

Ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Danh mục này có thể thay đổi tùy vào điều kiện và tình hình thực tế của địa phương, theo hướng ưu tiên những nhiệm vụ có tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở nội dung Đề án chuyển đổi số của tỉnh, chủ động xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số và khái toán kinh phí thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số và bố trí ngân sách để thực hiện.

- Ưu tiên kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí cho ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền số, đô thị thông minh hàng năm và các nguồn huy động hợp pháp khác để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách địa phương để triển khai các nội dung Đề án này.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh: Chỉ đạo, điều phối chung việc triển khai đề án Chuyển đổi số của tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Hướng dẫn, tổ chức triển khai Đề án. Hàng năm, giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở có liên quan tiến hành rà soát, đề xuất danh mục các nhiệm vụ, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh cơ chế giám sát tính hiệu quả của

các dự án trong việc thực hiện Đề án Chuyển đổi số.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của đề án và phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổ chức triển khai các công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Đề án Chuyển đổi số.

- Chủ trì tham mưu danh mục các dự án kêu gọi vào lĩnh vực công nghệ số, công nghệ thông tin để làm cơ sở thu hút, mời gọi đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

4. Sở Tài chính

Căn cứ Đề án chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại.

6. Sở Ngoại vụ

Sở Ngoại vụ chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai các nội dung hợp tác quốc tế về chuyển đổi số.

7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này. Đồng thời theo chức năng, nhiệm vụ được giao; các đơn vị có trách nhiệm xây dựng các dự án, kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý. Ngoài ra, có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Quảng Trị

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Bám sát chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham mưu thực hiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp công nghệ số,

doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được tiếp cận tín dụng một cách thuận lợi.

- Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi (chương trình cho vay kích cầu đầu tư, cho vay với lãi suất ưu đãi) cho các doanh nghiệp công nghệ số nhằm hỗ trợ các sản phẩm chuyển đổi số chủ lực và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại tổ chức Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp chuyển đổi số và hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện.

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành và địa phương trong việc triển khai các chương trình, chính sách tín dụng để thúc đẩy chuyển đổi số.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị

Bám sát nội dung Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 -2025, định hướng đến năm 2030 để xây dựng các chuyên mục, tin bài tuyên truyền.

10. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

- Tham gia là nòng cốt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong Kế hoạch này.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp; phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

11. Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị, Hội doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Trị: Thông tin và hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong doanh nghiệp, chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh thông qua việc tái tư duy hướng kinh doanh, tái đánh giá chuỗi giá trị, tái kết nối với khách hàng và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp; khai thác tối đa Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn lực khác để tăng cường đầu tư cho các hoạt động chuyển đổi số.

PHẦN III

HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

I. CHUYỂN ĐỔI SỐ MANG LẠI NHIỀU LỢI ÍCH CHO DOANH NGHIỆP VÀ CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN

1. Đối với Chính quyền

Chuyển đổi số sử dụng dữ liệu và hệ thống công nghệ số nhằm thay đổi trải nghiệm người sử dụng với các dịch vụ công do Nhà nước cung cấp. Việc thay đổi hệ thống công nghệ cũng làm thay đổi nghiệp vụ, mô hình và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan nhà nước.

Chuyển đổi số cũng đang dần thay đổi nhận thức của lãnh đạo, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, có khả năng quyết định hướng đi và sự thành công của cơ quan và tổ chức. Hiện nay, các quốc gia trên thế giới đã đầu tư rất nhiều vào hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho quá trình

chuyển đổi số trước những lợi ích mà nó đem lại. Chính phủ các nước dần ứng dụng chuyển đổi số vào công tác xây dựng “Nhà nước số”, “Chính phủ điện tử”. Trước xu hướng đó, Việt Nam cũng đang từng bước áp dụng vào công tác quản lý và xây dựng chính phủ điện tử với các chính sách - pháp luật đang được sửa đổi nhằm có hệ thống pháp lý phù hợp với xu hướng hiện nay. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam còn khuyến khích các ngành/nghề, doanh nghiệp áp dụng chuyển đổi số trong tất cả lĩnh vực, như: Chuyển đổi số doanh nghiệp, chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, trong công tác truyền thông,.

Trong quá trình chuyển đổi số, chính quyền đóng vai trò kết nối, để tất cả các lực lượng cùng tham gia chuyển đổi số, góp phần xây dựng chính quyền số hiệu quả, phục vụ người dân tốt, phát triển nền kinh tế số mang lại giá trị thặng dư cao hơn.

2. Đối với doanh nghiệp

Có thể thấy rõ, chuyển đổi số mang rất nhiều lợi ích đối với doanh nghiệp, như:

- Tăng sự minh bạch và hiệu quả trong hệ thống quản trị doanh nghiệp: Tham gia quá trình chuyển đổi số, CEO của doanh nghiệp sẽ có thể chủ động và dễ truy xuất báo cáo về các hoạt động của doanh nghiệp. Mọi hoạt động của doanh nghiệp, như: nhân viên ghi nhận doanh số, biến động nhân sự, khách hàng tìm hiểu sản phẩm sẽ được thể hiện trên các phần mềm quản trị doanh nghiệp, điều này sẽ giúp giảm sự chậm trễ, giúp CEO quản lý doanh nghiệp hiệu quả và minh bạch hơn so với trước đó.

- Tối ưu hóa năng suất nhân viên: Chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp khai thác được tối đa năng lực làm việc của nhân viên trong công ty. Bởi những công việc có giá trị gia tăng thấp, hệ thống có thể tự động thực hiện mà doanh nghiệp không cần tốn chi phí trả lương cho nhân viên, đồng thời cũng giúp nhân viên có thêm thời gian để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện các công việc quan trọng khác. Chuyển đổi số cũng giúp người quản lý dễ dàng đánh giá chất lượng công việc của từng nhân viên qua số liệu báo cáo nhận lại cuối ngày, cuối tuần, cuối tháng hoặc cuối quý.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh: Nếu doanh nghiệp sở hữu nền tảng số hóa sẽ có thể triển khai và vận hành doanh nghiệp hiệu quả, chính xác và chất lượng. Bởi các giải pháp quản trị và vận hành số hóa sẽ tăng tính hiệu quả và chính xác trong các quyết định của doanh nghiệp. Đồng thời, chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong việc tương tác nhanh chóng với khách hàng, chính sách chăm sóc và phục vụ khách hàng,.

3. Đối với người dân

Đối với người dân, chuyển đổi số đang dần tác động vào trong cuộc sống khi có thể trải nghiệm các dịch vụ công hay các dịch vụ được cung cấp từ các cơ quan hành chính, doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, nhanh chóng. Các giao dịch như: dịch vụ công, ngân hàng, mua sắm, hoàn toàn có thể thực hiện qua mạng mà không cần phải đến tận nơi thực hiện.

Dịch Covid-19 cũng giúp người tiêu dùng nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, bởi trong thời gian cách ly xã hội, người tiêu dùng buộc phải hạn chế ra đường, mọi giao dịch, việc học, các cuộc họp và xử lý công việc đều được thực hiện qua máy tính. Điều này bắt buộc người tiêu dùng phải có máy tính và hệ thống truyền tải mạng dữ liệu ổn định mới đáp ứng được nhu cầu của công việc.

Xu hướng chuyển đổi số đã tạo ra rất nhiều dịch vụ có ích cho người dân cũng như tận dụng một cách hiệu quả nguồn lực nhân rỗi của xã hội. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng tạo ra những mâu thuẫn, thay đổi cơ bản với mô hình kinh doanh truyền thống, bởi những thay đổi quan trọng trong chuỗi giá trị các ngành công nghiệp cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu buộc các doanh nghiệp và mô hình kinh doanh truyền thống phải có sự thay đổi mạnh mẽ để tồn tại và phát triển.

II. TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN CUỘC SỐNG

Chuyển đổi số hiện đang tác động vào công việc và cuộc sống hàng ngày của chúng ta với sức mạnh vô cùng lớn. Nó tác động vào tất cả các ngành công nghiệp, thách thức tất cả các công ty thuộc mọi loại hình và quy mô. Chuyển đổi số là chủ đề quan tâm chính của những năm gần đây, đặc biệt trong giai đoạn cuộc sống hiện nay, giai đoạn dịch bệnh Covid - 19. Chúng ta sẽ đi xem xét việc chuyển đổi kỹ thuật số sẽ bắt đầu như thế nào, làm thế nào để có thể thay đổi công việc hàng ngày của chúng ta.

Có 3 xu hướng chuyển đổi số trong cuộc sống của chúng ta như sau:

Xu hướng thứ nhất, các dịch vụ sinh hoạt. Cuộc sống của chúng ta được trang bị các hệ thống dịch vụ hỗ trợ thông minh, các hệ thống dịch vụ này hỗ trợ chúng ta thực hiện các công việc trong cuộc sống một cách hiệu quả và thông minh nhất. Các dịch vụ sinh hoạt đóng vai trò ngày càng quan trọng trong công việc hàng ngày của chúng ta. Chẳng hạn nó có thể phối hợp, sắp xếp các chuyến đi của chúng ta, đưa ra lời khuyên, đưa ra các quyết định, đề xuất làm việc, học tập, kèm theo các khuyến nghị hoặc hỗ trợ quản lý khối lượng công việc hàng ngày. Điều đó giúp chúng ta tiết kiệm rất nhiều thời gian và công sức bằng cách giao các nhiệm vụ như phối hợp, nghiên cứu hoặc phân tích dữ liệu cho các dịch vụ sinh hoạt tương ứng.

Xu hướng thứ 2, công nghệ truyền thông. Các công nghệ mới cho phép mọi người khắp nơi trên thế giới giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và thuận tiện. Có đến 79% nhân viên trên toàn thế giới làm việc với nhau trên các nhóm ảo. Điều này giúp họ kết nối với nhau chặt chẽ hơn, đảm bảo cho giúp đỡ nhau trong công việc hiệu quả hơn. Việc kết nối này còn đem lại hiệu quả nhiều hơn chúng ta nghĩ. Một người mới bất kỳ có thể tham gia vào cuộc đối thoại, nhờ có internet mà các cỗ máy có thể giao tiếp với nhau, cỗ máy có thể giao tiếp với con người. Công nghệ 4.0 mang lại rất nhiều tiềm năng và cơ hội lớn cho các doanh nghiệp.

Xu hướng thứ 3, lưu thông thị trường. Với việc chuyển đổi kỹ thuật số sẽ tác động đến tất cả các ngành công nghiệp, các doanh nghiệp có nhu cầu lớn về đổi mới và thay đổi. Cuộc đua hướng tới số hóa đã được bắt đầu, nó được thúc đẩy bởi áp lực chi phí ngày càng gia tăng, chuỗi giá trị ngày càng tinh gọn hơn,

thậm chí một số ngành công nghiệp mới có thể sắp sẽ ra đời nhờ chuyển đổi công nghệ số. Trong cuộc cạnh tranh toàn cầu này, chỉ những doanh nghiệp có thể thích nghi và chủ động, tích cực nhất mới có thể tồn tại và phát triển. Cuộc săn đuổi đổi mới đầy tham vọng cũng có thể được đánh giá cao trong dòng tiền đang được đầu tư ngày càng tăng.

Chúng ta đã có thể thấy tác động to lớn của chuyển đổi kỹ thuật số ngày nay - nhưng trong tương lai, nó sẽ thay đổi cuộc sống làm việc của chúng ta theo những cách mà chúng ta có thể tưởng tượng được. Tất cả những gì chúng ta biết là các công ty khởi nghiệp sáng tạo và các tập đoàn chủ động sẽ là người điều khiển và là người chiến thắng của sự chuyển đổi kỹ thuật số này.

Phần IV

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tác động mạnh mẽ đến toàn cầu, buộc Chính phủ, doanh nghiệp các nước trên thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, đòi hỏi những sự thay đổi để phù hợp trước sự tiến bộ của công nghệ, khoa học kỹ thuật.

Chuyển đổi số là tất yếu và vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong các lĩnh vực khác của xã hội như truyền thông đại chúng, y học, khoa học,...

Chuyển đổi số là một quá trình dài với nhiều thách thức đặt ra buộc Chính quyền, doanh nghiệp và người tiêu dùng phải thay đổi. Tuy nhiên, chuyển đổi số sẽ giúp Chính quyền ngày càng cải thiện chất lượng công việc của cán bộ công nhân viên chức, cải thiện dịch vụ công, giúp giảm ách tắc và phục vụ nhu cầu của người dân hiệu quả hơn. Chuyển đổi số cũng giúp doanh nghiệp tiết giảm được chi phí hoạt động bởi khả năng kết nối vô hạn của quá trình số hóa, không cần nguồn lực có sẵn, mặc dù quá trình này còn vô vàn khó khăn do nguồn nhân lực chưa hoàn thiện mà hầu hết các doanh nghiệp phải đào tạo lại. Do đó, cần nhanh chóng nâng cấp hệ thống số hóa giúp công cuộc chuyển đổi số hoàn thiện nhằm đáp ứng xu hướng hiện nay.

Đề xuất các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ tỉnh Quảng Trị triển khai Đề án; nhất là Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ trong việc triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị.

Quảng Trị kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ triển khai thực hiện chuyển đổi số trên cơ sở kế thừa các kết quả đạt được của công tác cải cách hành chính xây dựng chính quyền điện tử và đặc biệt là chuyển quyền số, kinh tế số trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ Quảng Trị trong đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông; tư vấn, hỗ trợ ươm tạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin; nghiên cứu và hỗ trợ cho địa phương xây dựng khu công nghệ cao hoặc liên kết với các khu công nghệ cao lớn, nhằm tạo động lực và hướng đi mới trong phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới./.



PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Đề án chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1982 /QĐ-UBND, ngày 29 / 7 /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ Trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
I	Nhóm nhiệm vụ chung				58.626	400	130.302	
1	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025			1.000	Vốn bố trí qua Kế hoạch đào tạo CBCC, VC hàng năm của tỉnh
2	Tuyên truyền về chương trình và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025		400	100	
3	Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, giải đáp thắc mắc về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025			500	
4	Triển khai Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (DC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	10.280			Ngân sách Trung ương

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
5	Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng LAN, trang thiết bị tin học cho các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	3.346			Ngân sách Trung ương
6	Triển khai trung tâm giám sát điều hành an toàn an ninh mạng (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023-2026	39.000			Ngân sách Trung ương
7	Triển khai hệ thống giám sát thông tin báo chí và mạng xã hội; đầu tư trang thiết bị cho IOC tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2023-2026	6.000			Ngân sách Trung ương
8	Triển khai mạng diện rộng của tỉnh trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng CPNET	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025			15.000	Vốn Xã hội hóa đầu tư hạ tầng
9	Thực hiện chuyển đổi Ipv4 sang Ipv6 trong hoạt động các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025			2.000	
10	Phát triển hạ tầng viễn thông cho Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông	2022-2025			70.000	Vốn Xã hội hóa
11	Xây dựng Đồ thị thông minh thành phố Đông Hà giai đoạn 2021-2025	UBND thành phố Đông Hà	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025			41.702	Ngân sách địa phương, vốn xã hội hóa...

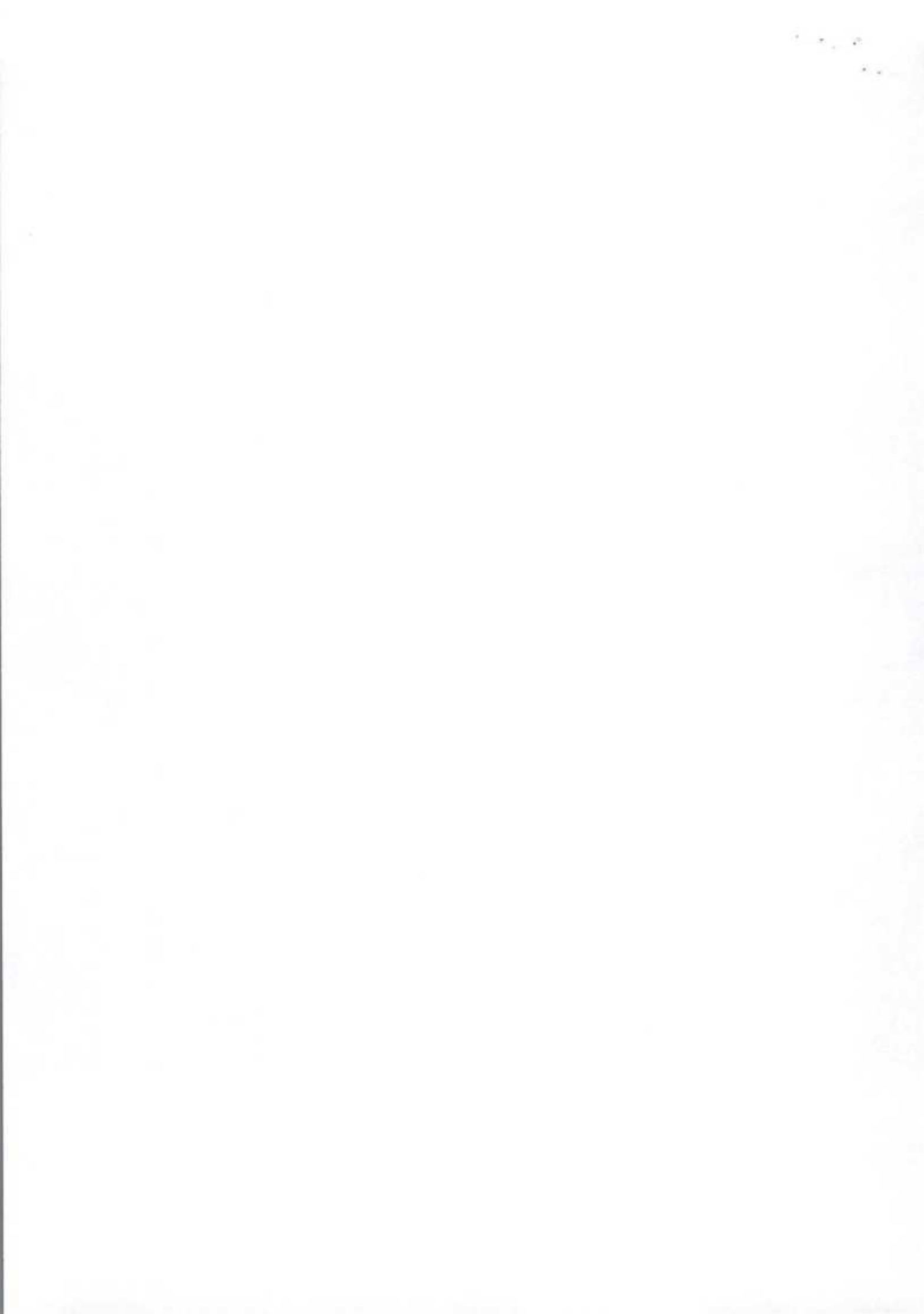
STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
II	Phát triển chính quyền số				54.100	35.077		
1	Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh trên các phương tiện truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025	400	600		
2	Nâng cấp, duy trì hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Trị	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	2.056			
3	Xây dựng phần mềm báo cáo kết quả và thời gian xử lý văn bản của các đơn vị Sở ban ngành, địa phương trong tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	350			
4	Nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2023	1.500			
5	Công tác số hóa, lưu trữ kết quả giải quyết TTHC cấp tỉnh, huyện, xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025	18.000	16.621	UBND tỉnh đã có CV số 994/UBND-NC, ngày 14/3/2022	
6	Xây dựng và triển khai ứng dụng hệ thống thông tin phục vụ hợp không giấy và xử lý công việc của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2023		8.556		

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
7	Triển khai Phần mềm đánh giá mức độ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2023		1.300		
8	Xây dựng Công dịch vụ dữ liệu mở tỉnh Quảng Trị	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025		3.364		
9	Thực hiện việc số hóa, tạo lập các cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin dùng chung trong toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025			4.000	Vốn sự nghiệp TW
10	Xây dựng kho CSDL dùng chung tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025		13.500		
11	Duy trì triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025		4.000		Năm 2022 đã bố trí vốn
12	Thuế tổ chức, doanh nghiệp độc lập thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025			2.000	
13	Xây dựng CSDL về quản lý cấp phép đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các doanh nghiệp liên quan	2022-2023		2.236		
14	Triển khai phần mềm quản lý nhà nước	Thanh tra tỉnh	Các cơ quan,	2022-		1.500		

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
	trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh Quảng Trị		đơn vị liên quan	2023				
15	Triển khai Phần mềm quản lý đối tượng người có công và thân nhân người có công với cách mạng	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2023		800		
16	Xây dựng CSDL về cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2023		2.000		
17	Nâng cấp Hệ thống thông tin CBCC tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2024-2025			2.000	
18	Triển khai Phần mềm hỗ trợ thi tuyển, thăng hạng, nâng ngạch công chức, viên chức tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2024-2025		1.000		
19	Triển khai Phần mềm hỗ trợ chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2024-2025			1.300	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
20	Xây dựng hệ thống cấp nhật, tra cứu văn bản đi, đến của UBND tỉnh, toàn bộ các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2023		450		
21	Xây dựng phân hệ lập hồ sơ điện tử, giao nộp hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022		1.644		
III	Phát triển kinh tế số					62.500	205.663	
1	Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số; các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025			2.000	Vốn xã hội hóa
2	Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025			2.000	Vốn KHCN
3	Chương trình phát triển thương mại điện tử tỉnh	Sở Công thương	Các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp liên quan	2022-2025		1.000	1.000	Ngân sách tỉnh bổ trợ hàng năm qua Kế hoạch phát triển TMDT tỉnh

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
3.1	Phát triển nguồn nhân lực					600		
3.2	Hỗ trợ phát triển TMDT, thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp				1.000	400		
4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025	17.000	70.385		
4.1	<i>Hoàn thiện hạ tầng và xây dựng, chia sẻ cơ sở dữ liệu của ngành Nông nghiệp</i>				10.000	13.630		
4.2	<i>Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng điểm mô hình nông nghiệp thông minh</i>				5.000	45.600		
4.3	<i>Phổ biến và nhân rộng mô hình nông nghiệp thông minh</i>				2.000	7.710		
4.4	<i>Tập huấn, đào tạo chuyển đổi số trong ngành</i>					925		
4.5	<i>Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên nền tảng công nghệ 4.0</i>					2.520		
5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025	18.000	28.778		



STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
5.1	Phát triển hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu				3.000	9.578		
5.2	Triển khai các nền tảng số và các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin				2.000	700		
5.3	Triển khai các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành TNMT				10.000	15.000		
5.4	Triển khai thu thập, cập nhật, quản lý, công khai và kết nối dữ liệu Ngành				3.000	3.500		
6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng	Sở Công thương	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025	1.000	20.000		
6.1	Số hóa mô hình quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh	Sở Công thương	Công ty Điện lực Quảng Trị, các đơn vị liên quan khác	2022-2025	1.000	20.000		Sự nghiệp kinh tế; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
6.2	Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, hướng đến tự động hóa công tác giám sát, quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ điện thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh	Công ty Điện lực Quảng Trị, đơn vị truyền tải điện, nhà máy sản xuất điện	Sở Công thương, các đơn vị liên quan khác	2022-2025				Kinh phí doanh nghiệp
7	Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Trị	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025			40.000	Sự nghiệp kinh tế; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
8	Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: Xây dựng công du lịch thông minh; số hóa sản phẩm du lịch bằng công nghệ thực tế ảo; số hóa và xây dựng tổng thể cơ sở dữ liệu về du lịch...	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025			8.000 12.000	
9	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics	Sở Giao thông vận tải	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025			17.500 29.500	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ Trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
9.1	Xây dựng CSDL ngành giao thông, vận tải tỉnh				7.000			
9.2	Triển khai cấp đổi giấy phép người điều khiển phương tiện trên nền tảng số				2.500	12.500		
9.3	Xây dựng hệ thống giao thông thông minh hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng				3.500	8.500		
9.4	Phát triển, chuyển đổi các hạ tầng logistics trên nền tảng số, hỗ trợ kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng				2.500	2.500		
	Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện, quản lý người điều khiển phương tiện trên nền tảng số				2.000	6.000		
IV	Phát triển xã hội số				43.000	126.500		
1	Đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, tin học ứng dụng, để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Trường học	2022-2025		2.000		
2	Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Trị	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025		2.000		

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
3	Cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025			2.000	
4	Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025		18.000	22.500	
4.1	<i>Chuyển đổi số trong quản lý y tế thông minh</i>					5.500	4.000	
4.2	<i>Chuyển đổi số thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh</i>					5.000	2.000	
4.3	<i>Chuyển đổi số trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh</i>					5.000	9.000	
4.4	<i>Nâng cấp thiết bị CNTT cho các đơn vị trong ngành y tế</i>					2.500	7.500	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ Trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
5	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025		18.000	78.000	
5.1	<i>Ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số đổi mới phương thức quản lý giáo dục và đào tạo; Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở Ngành; nâng cấp CSDL Ngành; triển khai các ứng dụng quản lý Ngành tích hợp CSDL Ngành...</i>					10.000	8.000	
5.2	<i>Ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học; Xây dựng kho học liệu trực tuyến; triển khai các giải pháp, thiết bị thông minh hỗ trợ đảm bảo an ninh trường học...</i>					8.000	70.000	
6	Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2022-2025		7.000	20.000	
6.1	<i>Xây dựng hệ thống thông tin, CSDL lễ hội Quảng Trị với các lễ hội dân gian truyền thống, lễ hội lịch sử cách mạng, lễ hội văn hóa và lễ hội tôn giáo</i>					2.000	2.000	
6.2	<i>Số hóa dữ liệu các di sản văn hóa vật thể,</i>					5.000	18.000	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự toán Kinh phí			Ghi chú
					Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn hợp pháp khác	
	<i>đi sản văn hóa phi vật thể; bảo tàng; thư viện; triển khai kết nối di sản văn hóa tỉnh với di sản văn hóa quốc gia và thế giới...</i>							
	Tổng cộng: 716.168				58.626	160.000	497.542	